



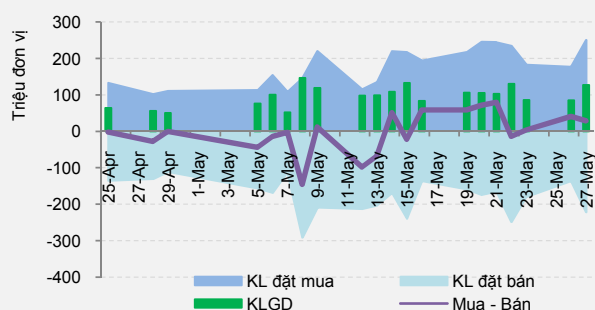
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 27/5/2014

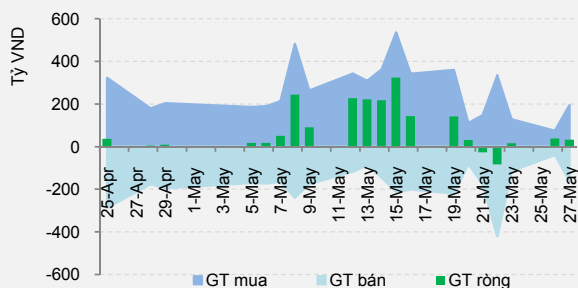
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	552.8	76.9
% Thay đổi	↑ 1.6%	↑ 2.6%
KLGD (CP)	127,182,990	93,299,038
GTGD (tỷ đồng)	1,735.57	860.38
Tổng cung (CP)	220,831,860	115,098,700
Tổng cầu (CP)	250,041,170	137,311,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,048,700	1,065,500
KL mua (CP)	7,504,710	3,006,900
GTmua (tỷ đồng)	194.75	37.86
GT bán (tỷ đồng)	161.75	16.09
GT ròng (tỷ đồng)	33.00	21.77

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.26%	8.7	1.8	3.0%
Công nghiệp	↑ 2.62%	31.5	1.2	18.9%
Dầu khí	↑ 1.35%	7.1	1.9	3.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.61%	18.5	1.9	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.33%	12.1	3.0	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.16%	11.9	4.2	10.2%
Ngân hàng	↑ 2.76%	8.4	1.2	7.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.51%	12.4	2.2	8.4%
Tài chính	↑ 2.65%	11.7	2.2	42.3%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.71%	25.3	4.4	3.8%
VN - Index	↑ 1.60%	13.5	2.9	66.9%
HNX - Index	↑ 2.63%	18.1	1.6	33.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	89,220	0.1%	3,340,130	2.6%
GTGD (tỷ VND)	1,888	0.1%	53,430	3.1%

GIÀN KHOAN HD981 DỊCH CHUYỂN - THỊ TRƯỜNG TĂNG ĐIỂM MẠNH

Nhận định: Thị trường tiếp tục diễn biến giao dịch linh xình đầu phiên, tăng mạnh dần về cuối phiên. Dường như thông tin giàn khoan HD981 dịch chuyển tác động tích cực đến tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền tham gia thị trường tăng dần từ cuối phiên giao dịch sáng và tiếp tục tăng mạnh trong phiên chiều. Hai chỉ số Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với thanh khoản tăng mạnh, độ rộng thị trường tích cực. Lực cầu đang chiếm ưu thế, dù khối lượng cung giá cao tại ngưỡng cản kỹ thuật vẫn tiếp tục gia tăng.

Với phiên tăng điểm này, VN-Index đã tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA20 và trendline giảm giá ngắn hạn, chỉ số HNX-Index cũng tăng qua ngưỡng cản của trendline giảm giá. Phiên tăng khá mạnh với thanh khoản cao cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Thị trường dự kiến tiếp tục tăng trong một vài phiên giao dịch tới.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, áp lực bán sẽ gia tăng mạnh ở vùng +/-570 điểm đối với VN-Index, tương đương đường MA50 ngày. Ngưỡng cản quan trọng của HNX-Index là vùng +/-79 điểm. Nhà đầu tư nên thận trọng khi mua đuổi cổ phiếu trong những phiên tăng mạnh.

- Chỉ số VN-Index tăng mạnh 8.70 điểm (1.60%), lên 552.75 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 542.49 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.97 điểm (2.63%), lên 76.85 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 74.77 điểm.

- Theo NHNN chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, tốc độ giải ngân gói tín dụng hỗ trợ nhà ở trị giá 30,000 tỷ đồng hiện rất chậm. Hiện mới có 633 khách hàng ký hợp đồng vay với tổng hạn mức là 896,31 tỉ đồng, trong đó đã giải ngân 372,13 tỉ đồng cho 426 khách hàng. Trong bốn tháng đầu năm giải ngân gói cho vay hỗ trợ nhà ở chỉ tăng 40-50 tỉ đồng. NHNN đã có văn bản nhắc nhở các Ngân hàng tích cực đẩy nhanh tốc độ giải ngân. Lý do tiến độ giải ngân chậm trễ được các Ngân hàng đưa ra là thiếu dự án đáp ứng nhu cầu vay vốn, nhà ở khu vực trung tâm không có giá 15 triệu đồng/m², trong khi những dự án ở xa thì diện tích quá lớn, không đáp ứng được yêu cầu để vay gói hỗ trợ. Việc cơ quan quản lý đang có những sửa đổi về thủ tục, đối tượng vay vốn... cũng khiến người mua có tâm lý chờ đợi.

- Cùng với diễn biến hạ nhiệt của giá vàng, giá USD cũng đang theo chiều hướng giảm. Hiện giá bán USD phổ biến của các ngân hàng là 21.170 đồng/USD. Giá mua vào thấp nhất trên thị trường sáng nay là 21.090 đồng/USD, giá mua cao nhất là 21.120 đồng/USD; Trong khi, giá bán ra thấp nhất là 21.160 đồng/USD còn giá bán cao nhất là 21.180 đồng/USD. Mức giá mua bán này đã giảm khoảng 5-10 đồng so với ngày trước đó. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng vẫn được giữ ổn định ở mức 21.036 đồng/USD. Tỷ giá Sở giao dịch NHNN là 21.100/21.246 đồng/USD.

VN-INDEX


- Chỉ số VN-Index tăng mạnh 8.70 điểm (1.60%), lên 552.75 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 542.49 điểm.

- KLGD tăng mạnh 73% so với phiên trước, lên 121 triệu đơn vị.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục diễn biến giao dịch linh xình đầu phiên, tăng mạnh dần về cuối phiên. Dường như thông tin giảm khoan HD981 dịch chuyển tác động tích cực đến tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền tham gia thị trường tăng dần từ cuối phiên giao dịch sáng và tiếp tục tăng mạnh trong phiên chiều. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với thanh khoản tăng mạnh, độ rộng thị trường tích cực. Lực cầu đang chiếm ưu thế, dù khối lượng cung giá cao tại ngưỡng cản kỹ thuật 550 điểm vẫn tiếp tục gia tăng.

Với phiên tăng điểm này, VN-Index đã tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA20 và trendline giảm giá ngắn hạn. Phiên tăng khá mạnh với thanh khoản cao cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Thị trường dự kiến tiếp tục tăng trong phiên giao dịch tới.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, áp lực bán sẽ gia tăng mạnh ở vùng +/-570 điểm đối với VN-Index, tương đương đường MA50 ngày. Ngưỡng cản quan trọng của HNX-Index là vùng +/-79 điểm. Nhà đầu tư nên thận trọng khi mua đuổi cổ phiếu trong những phiên tăng mạnh.

HNX-INDEX


- Chỉ số HNX-Index tăng 1.97 điểm (2.63%), lên 76.85 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 74.77 điểm.

- KLGD tăng mạnh 120% so với phiên trước, lên 90 triệu đơn vị.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục diễn biến giao dịch linh xình đầu phiên, tăng mạnh dần về cuối phiên. Dường như thông tin giảm khoan HD981 dịch chuyển tác động tích cực đến tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền tham gia thị trường tăng dần từ cuối phiên giao dịch sáng và tiếp tục tăng mạnh trong phiên chiều. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên với thanh khoản tăng mạnh, độ rộng thị trường tích cực. Lực cầu đang chiếm ưu thế, dù khối lượng cung giá cao tại ngưỡng cản kỹ thuật 76-77 điểm vẫn tiếp tục gia tăng.

Với phiên tăng điểm này, HNX-Index đã tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật của đường trendline giảm giá ngắn hạn. Phiên tăng khá mạnh với thanh khoản cao cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật. Thị trường dự kiến tiếp tục tăng trong phiên giao dịch tới.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, áp lực bán sẽ gia tăng mạnh ở vùng +/-570 điểm đối với VN-Index, tương đương đường MA50 ngày. Ngưỡng cản quan trọng của HNX-Index là vùng +/-79 điểm. Nhà đầu tư nên thận trọng khi mua đuổi cổ phiếu trong những phiên tăng mạnh.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,667	22,553	15.65	5.32	36.38	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.53	2.19	24.96	44.81
3	PVD	HOSE	4,322.5	36.0%	596.96	41.8%	7,789	37,609	10.40	2.15	21.69	40.03
4	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	4,984	22,998	6.68	1.45	20.05	24.03
5	FPT	HOSE	10,867.3	26.2%	361.52	0.9%	4,687	22,024	8.85	1.88	22.47	49.00
6	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.08	1.26	19.28	24.37
7	REE	HOSE	551.8	7.6%	231.73	110.5%	4,368	18,768	5.01	1.17	22.77	48.76
8	PPC	HOSE	2,165.8	21.8%	221.44	-76.5%	2,857	17,657	6.97	1.13	17.03	12.67
9	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.73	2.09	33.45	12.73
10	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	9.30	1.36	15.36	49.00

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PPI	HOSE	20.5	-8.2%	4.98	6125.0%	238	19,312	34.38	0.42	1.26	0.53
2	FLC	HOSE	360.3	69.7%	34.95	2630.5%	1,503	11,847	5.26	0.67	9.39	1.69
3	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.40	1.03	33.22	11.15
4	TDH	HOSE	78.7	-6.9%	9.32	1094.9%	980	36,000	14.69	0.40	2.79	41.53
5	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	24.59	0.76	3.14	0.81
6	SCR	HNX	331.9	64.9%	13.97	905.0%	53	15,055	132.05	0.46	0.35	0.53
7	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	8.75	0.77	9.38	4.54
8	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.90	0.90	5.15	0.01
9	DCS	HNX	21.9	19.8%	1.25	525.0%	128	10,271	32.89	0.41	1.19	0.15
10	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	14.89	0.56	3.83	12.89

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	17.83	0.53	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(29.52)	0.30	(1.04)	0.08
3	PFL	HNX	7.6	3695.0%	-1.83	-18.1%	(1,895)	8,019	(1.37)	0.32	(21.13)	0.13
4	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	108.06	0.36	0.33	0.22
5	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	15.05	0.27	1.77	2.16
6	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	31.97	0.96	4.74	0.15
7	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	9.49	0.64	7.13	6.07
8	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.70)	0.38	(45.13)	0.05
9	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	7.65	1.24	16.06	11.30
10	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.00	0.80	11.93	0.16

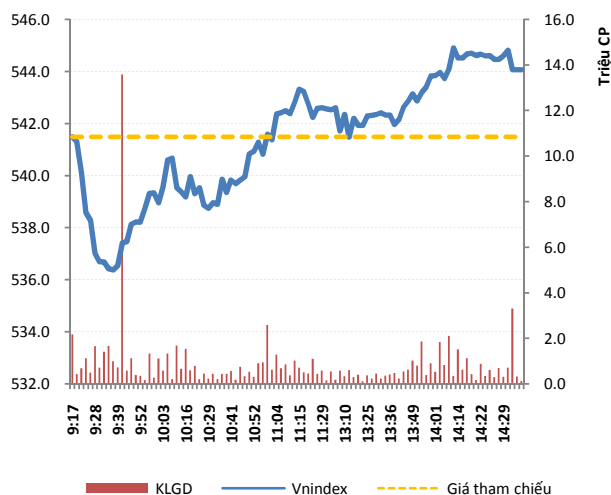
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/05/2014

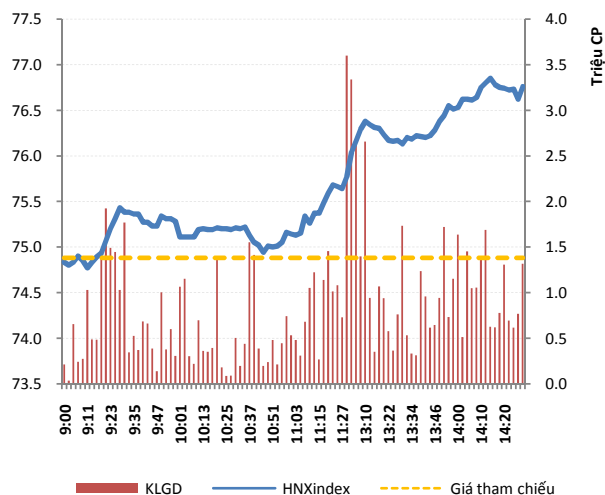


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

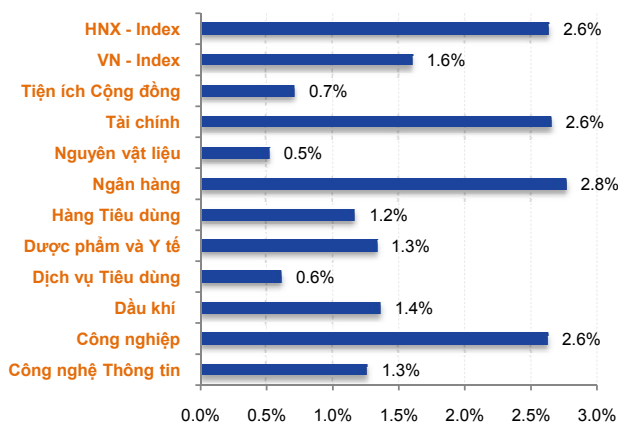
KLGD và VN-Index trong phiên



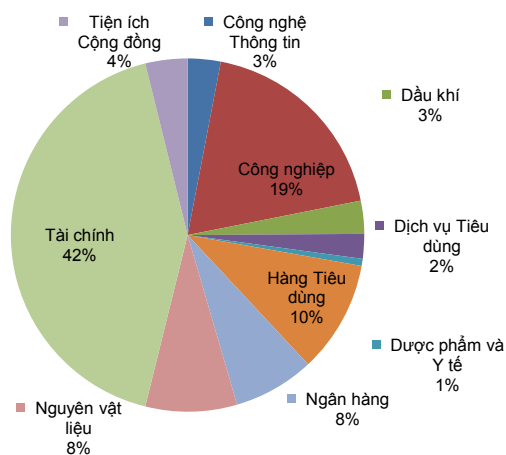
KLGD và HNX-Index trong phiên



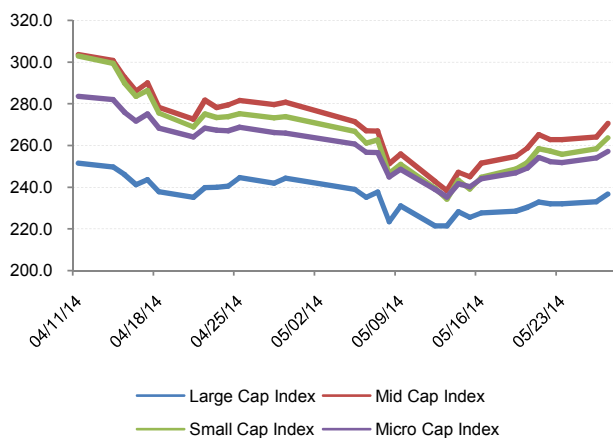
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



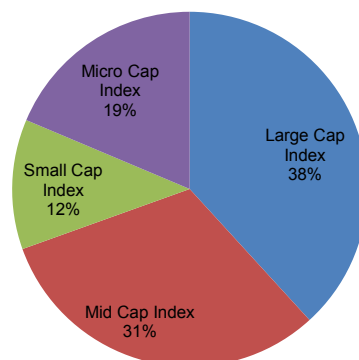
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HQC	535,000	HAG	917,270
2	HAR	419,710	ITA	291,690
3	KBC	254,720	NLG	260,100
4	BVH	240,630	EIB	200,000
5	VCB	219,040	SJS	121,910

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	959,000	VND	372,100
2	KLS	800,000	PGS	212,000
3	BVS	474,200	SHB	97,300
4	PVS	223,700	SCR	67,300
5	FIT	196,000	PVX	20,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	11.1	11.3	↑ 1.80%	11,018,400
HQC	6.9	7.3	↑ 5.80%	9,100,290
ITA	8.0	8.4	↑ 5.00%	8,764,400
SSI	23.1	24.4	↑ 5.63%	4,748,400
IJC	12.4	13.2	↑ 6.45%	4,477,990

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	5.0	5.4	↑ 8.00%	11,741,950
SCR	8.3	8.9	↑ 7.23%	11,126,600
SHB	9.0	9.4	↑ 4.44%	10,749,563
KLS	10.6	11.6	↑ 9.43%	9,297,800
SHS	8.1	8.9	↑ 9.88%	5,194,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAS	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
L10	13.1	14.0	0.9	↑ 6.87%
MHC	10.2	10.9	0.7	↑ 6.86%
KMR	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%
TTP	22.6	24.1	1.5	↑ 6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
MKV	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
SAF	29.2	32.1	2.9	↑ 9.93%
SHS	8.1	8.9	0.8	↑ 9.88%
S99	10.2	11.2	1.0	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGT	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
PDR	12.5	11.7	-0.8	↓ -6.40%
HVX	4.7	4.4	-0.3	↓ -6.38%
PPI	9.5	8.9	-0.6	↓ -6.32%
RIC	8.1	7.6	-0.5	↓ -6.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
HGM	55.4	50.0	-5.4	↓ -9.75%
ITQ	13.5	12.2	-1.3	↓ -9.63%
NBP	19.0	17.2	-1.8	↓ -9.47%
HCT	10.6	9.6	-1.0	↓ -9.43%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	11,018,400	9.4%	1,503	7.5	1.0
HQC	9,100,290	3.0%	320	22.8	0.7
ITA	8,764,400	0.7%	79	106.3	0.8
SSI	4,748,400	8.3%	1,235	19.8	1.6
IJC	4,477,990	5.6%	603	21.9	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	11,741,950	-188.8%	(5,604)	-	2.7
SCR	11,126,600	0.9%	137	65.1	0.6
SHB	10,749,563	7.9%	912	10.3	0.8
KLS	9,297,800	7.1%	948	12.2	0.8
SHS	5,194,100	9.4%	754	11.8	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAS	↑ 6.9%	2.4%	480	12.9	0.3
L10	↑ 6.9%	15.5%	3,001	4.7	0.7
MHC	↑ 6.9%	21.6%	1,794	6.1	1.2
KMR	↑ 6.7%	5.0%	592	10.8	0.5
TTP	↑ 6.6%	5.7%	2,253	10.7	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	-	7.6
MKV	↑ 10.0%	2.6%	246	40.3	1.1
SAF	↑ 9.9%	25.0%	3,507	9.2	2.1
SHS	↑ 9.9%	9.4%	754	11.8	1.0
S99	↑ 9.8%	1.8%	195	57.5	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	535,000	3.0%	320	22.8	0.7
HAR	419,710	4.1%	426	20.2	0.8
KBC	254,720	3.4%	467	22.5	0.7
BVH	240,630	10.0%	1,811	23.1	2.3
VCB	219,040	10.4%	1,901	15.0	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	959,000	8.3%	1,018	12.5	1.0
KLS	800,000	7.1%	948	12.2	0.8
BVS	474,200	7.1%	1,197	10.5	0.7
PVS	223,700	19.3%	3,403	7.9	1.4
FIT	196,000	34.9%	3,481	4.1	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	176,235	33.4%	5,936	15.7	5.0
VNM	103,346	36.4%	7,667	16.2	5.5
MSN	67,979	2.2%	451	205.0	4.6
VCB	66,046	10.4%	1,901	15.0	1.5
VIC	59,914	47.0%	8,310	8.1	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,284	6.1%	839	18.7	1.1
PVS	11,972	19.3%	3,403	7.9	1.4
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	8,329	7.9%	912	10.3	0.8
VCG	5,610	8.3%	1,018	12.5	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AVF	2.73	0.9%	145	37.2	0.5
GTT	2.67	0.2%	23	229.7	0.5
DLG	2.62	2.2%	257	32.2	0.7
HCM	2.51	15.4%	2,688	11.0	1.6
DRH	2.49	-0.8%	(79)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.31	-5.6%	(720)	-	0.5
VIG	2.93	3.8%	248	19.3	0.7
SVN	2.79	-4.3%	(438)	-	0.6
HPC	2.78	6.8%	491	10.4	0.7
SDB	2.72	-80.6%	(2,536)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)